HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/NQ-HĐND	*Nha Trang, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
KHÓA XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn 6117/UBND-XDNĐ, ngày 23/6/2020 về việc lập đề cương dự toán Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện trong khi Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa được phê duyệt;

Căn cứ Thông báo số 590-TB/TU ngày 15/7/2022 về kết luận của Thường trực Thành uỷ tại Hội nghị BCH Đảng bộ Thành phố cho ý kiến về Quy hoạch Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 217/TB-STNMT ngày 19/7/2022 về kết quả thẩm định Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang;

Xét đề nghị của UBND thành phố Nha Trang tại Tờ trình số 5017/TTr-UBND ngày 21/07/2022 về việc thông qua thông qua Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-HĐND ngày 27/7/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020		Diện tích quy hoạch năm 2030		So sánh	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		**25.422,47**	**100,00**	**25.527,57**	**100,00**	**105,10**	
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**10.721,86**	**42,17**	**8.896,29**	**34,85**	**-1.825,56**	**-7,32**
	Tr.đó:							
1.1	Đất trồng lúa	LUA	718,07	2,82			-718,07	-2,82
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*668,32*	*2,63*			*-668,32*	*-2,63*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	616,52	2,43	18,56	0,07	-597,97	-2,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.051,84	12,00	763,34	2,99	-2.288,50	-9,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	223,12	0,88	753,37	2,95	530,25	2,07
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	5.648,55	22,22	7.271,33	28,48	1.622,78	6,27
	Tr.đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*277,09*	*1,09*	*251,39*	*0,98*	*-25,70*	*-0,11*
1.6	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	453,16	1,78			-453,16	-1,78
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	10,59	0,04	89,70	0,35	79,11	0,31
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7.633,96**	**30,03**	**16.631,28**	**65,15**	**8.997,32**	**35,12**
	Tr.đó:							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.304,41	5,13	1.577,10	6,18	272,68	1,05
2.2	Đất an ninh	CAN	24,89	0,10	37,86	0,15	12,97	0,05
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	31,97	0,13	31,97	0,13		0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	996,30	3,92	3.866,43	15,15	2.870,13	11,23
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	173,07	0,68	181,67	0,71	8,60	0,03
2.6	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	43,84	0,17	47,02	0,18	3,18	0,01
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.197,06	8,64	4.073,54	15,96	1.876,47	7,32
	Tr.đó:							
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*1.361,43*	*5,36*	*2.515,44*	*9,85*	*1.154,01*	*4,50*
-	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	*106,74*	*0,42*	*181,06*	*0,71*	*74,32*	*0,29*
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*17,11*	*0,07*	*30,80*	*0,12*	*13,69*	*0,05*
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*22,87*	*0,09*	*59,53*	*0,23*	*36,66*	*0,14*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020		Diện tích quy hoạch năm 2030		So sánh	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	*194,97*	*0,77*	*335,37*	*1,31*	*140,39*	*0,55*
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	*144,47*	*0,57*	*458,54*	*1,80*	*314,07*	*1,23*
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*10,90*	*0,04*	*107,41*	*0,42*	*96,50*	*0,38*
-	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	*17,05*	*0,07*	*15,52*	*0,06*	*-1,53*	*-0,01*
-	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	*1,75*	*0,01*	*18,21*	*0,07*	*16,46*	*0,06*
-	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	*48,56*	*0,19*	*67,01*	*0,26*	*18,45*	*0,07*
-	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*	*88,70*	*0,35*	*93,20*	*0,37*	*4,49*	*0,02*
-	*Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	*157,46*	*0,62*	*154,98*	*0,61*	*-2,49*	*-0,01*
-	*Đất cơ sở nghiên cứu khoa học*	*DKH*	*7,20*	*0,03*	*8,21*	*0,03*	*1,01*	*0,00*
-	*Đất cơ sở dịch vụ về xã hội*	*DXH*	*5,40*	*0,02*	*9,73*	*0,04*	*4,33*	*0,02*
-	*Đất chợ*	*DCH*	*12,42*	*0,05*	*18,53*	*0,07*	*6,11*	*0,02*
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,20	0,02	5,20	0,02		0,00
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,68	0,03	9,44	0,04	2,75	0,01
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	131,29	0,52	1.798,70	7,05	1.667,41	6,53
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	606,39	2,39	1.637,67	6,42	1.031,28	4,03
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	1.212,25	4,77	2.260,93	8,86	1.048,68	4,09
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,66	0,09	50,63	0,20	28,97	0,11
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	14,77	0,06	17,98	0,07	3,20	0,01
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	15,02	0,06	13,80	0,05	-1,22	-0,01
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	810,73	3,19	866,57	3,39	55,84	0,21
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	38,34	0,15	37,29	0,15	-1,05	0,00
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,07	0,00	117,50	0,46	117,43	0,46
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**7.066,65**	**27,80**	**0,00**	**0,00**	**-7.066,65**	**-27,80**

1.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**6.492,27**
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	718,07
	Tr. đó: đất chuyên lúa nước	*LUC/PNN*	*668,32*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	495,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2.223,56
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	2.592,92
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	*25,70*
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	453,16
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	9,14
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**205,98**
	Trong đó:		
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR[(a)]	205,98
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**475,54**

1.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng		**7.066,65**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**4.648,97**
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	118,42
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	447,76
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	4.038,89
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	43,90
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**2.417,68**
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	239,95
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.389,48
2.3	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	10,70
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	273,31
	Trong đó:		
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*161,15*
-	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	*11,40*
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*2,00*
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	*3,57*
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	*76,75*
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*15,37*
-	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	*1,32*
-	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*	*0,11*
-	*Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	*1,15*
-	*Đất chợ*	*DCH*	*0,50*
2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,03
2.6	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	310,98
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	59,37
2.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	ODT	100,91

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,12
2.10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3,08
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,64
2.12	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	29,10

Hội đồng nhân dân thành phố không thống nhất hướng tuyến đường kết nối cầu An Viên qua núi Hòn Rớ tới đại lộ Nguyễn Tất Thành, đề nghị UBND thành phố cập nhật hướng tuyến theo Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 20/12/2021.

Đề nghị UBND thành phố không hợp thức hóa các dự án sai phạm; các sai phạm trong việc phân lô đất nền, xây dựng trái phép theo tinh thần Nghị quyết 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương.

2. Kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang thực hiện theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Khánh Hoà.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Nghị quyết này, UBND thành phố Nha Trang có trách nhiệm thực hiện hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo quy định; tổ chức thực hiện các giải pháp sau:

1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

a. Giải pháp về cải tạo, bảo vệ đất

- Áp dụng các biện pháp canh tác đất dốc: phải đảm bảo chống xói mòn rửa trôi đất, chống hiện tượng đất bị khô hạn, dẫn đến kết von đá ong hóa. Biện pháp kiến thiết ruộng trên đất dốc, trồng cây theo đường đồng mức. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng (với rừng sản xuất).

- Sử dụng các biện pháp nông - lâm kết hợp để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

- Phát triển hệ thống cây xanh tập trung tại các công viên hiện hữu trên địa bàn thành phố và trong các khu dân cư, khu đô thị mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ diện tích cây xanh theo tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng; tăng cường trồng mới và thay thế cây xanh già cỗi phân tán dọc theo các tuyến đường hiện hữu.

- Đối với các dự án phát triển khu du lịch, khu biệt thự vườn đồi… cần trồng các vành đai rừng cảnh quan, giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất vào mùa mưa bão.

- Khoanh định những khu vực có nguy cơ bị sạt lở, đặc biệt các khu vực triền núi có nhà dân đang sinh sống, cần tập trung nguồn lực di dời nhà dân ra khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở, xây dựng taluy, tăng cường công tác quản lý nhà

nước không để người dân tái lấn chiếm xây dựng nhà ở hoặc nhà xưởng sản xuất trong khu vực có nguy cơ sạt lở.

- Tập trung nguồn vốn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trồng rừng phòng hộ ngập mặn khu vực Bích Đầm, hạ lưu sông Quán Trường, đặc biệt đoạn giáp Nhà máy xử lý nước thải phía Nam thành phố và các dự án tiêu thoát lũ khu vực phía Tây thành phố.

- Ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa, phục hồi diện tích đất đã bị thoái hóa bằng thực hiện các biện pháp canh tác tổng hợp; làm đất tối thiểu, trồng cây theo đường đồng mức, xây dựng mô hình sản xuất nông lâm kết hợp; đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu.

b. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải. Kiên quyết di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Trước mắt, cần bổ sung, hoàn thiện các quy định và cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, bệnh viện, làng nghề, các lưu vực sông, vùng nông thôn và ven biển. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong cụm công nghiệp, khu đô thị. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường có thể đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được tình trạng chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Đầu tư đồng bộ các công trình xử lý chất thải, rác thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, công trình xử lý nước thải tại các khu đô thị, khu trung tâm xã,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thường xuyên thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân và cơ sở sản xuất, kinh doanh nhất là môi trường các khu, cụm công nghiệp. Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên; nâng cao ý thức trách nhiệm và hành động thực tiễn của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các loại tài nguyên; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành, cơ cấu vùng, cơ cấu thành phần kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tài nguyên tái tạo, phát triển các ngành kinh tế xanh; khuyến khích, thúc đẩy đầu tư, đổi mới, áp dụng công nghệ sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường trong các ngành khai thác, chế biến tài nguyên; đẩy mạnh thực hiện các biện pháp giảm chất thải trong sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải sau sản xuất và tiêu dùng.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; thực hiện đồng bộ, lồng ghép các quy hoạch ngành, lĩnh vực với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh

tế, xã hội. Đặc biệt, cần chú trọng công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi vi phạm ngay từ cơ sở; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a. Về nguồn lực:

- Bổ sung nguồn lực làm công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ thành phố đến xã, phường, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sử dụng đất đai; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành Tài nguyên và Môi trường; đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân.

- Khoanh định các khu vực dư địa ven các công trình giao thông mới, các công trình hạ tầng kỹ thuật đưa vào quy hoạch để làm quỹ đất thu hút đầu tư, bán đấu giá quyền sử dụng đất, bổ sung ngân sách cho địa phương.

- Những khu dân cư hiện hữu đang sử dụng đất ổn định phù hợp với quy hoạch sử dụng đất mục đích đất ở khu dân cư chỉnh trang thì người dân được phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

b. Về vốn đầu tư:

- Phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được giao để đầu tư, phát triển các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục,…trên địa bàn thành phố. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân (các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn) để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

- Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, dịch vụ, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước và nhân dân cùng làm, vận động nhân dân hiến đất...

3. Thực hiện các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Sau khi Đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang tổ chức thông báo, công bố công khai rộng rãi để các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, nhân dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền địa phương, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có biện pháp xử lý đối với những đơn vị sử dụng sai mục đích nhằm bảo vệ quỹ đất thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo quyền lợi của người dân trên địa bàn, phát huy có hiệu quả nguồn lực từ đất.

- Tích cực phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình đề xuất lập, thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch để ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm đất đai cũng như việc điều chỉnh những bất cập cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức triển khai tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế – xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự thoả thuận giữa người dân và doanh nghiệp trong chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án đô thị, nhà ở thương mại trên địa bàn thành phố theo tinh thần Nghị quyết 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương.

- Xử lý nghiêm minh đúng pháp luật những hành vi vi phạm trong quản lý sử dụng đất, những hành vi làm tổn hại đến môi trường sinh thái.

- Quan tâm bố trí, đào tạo bồi dưỡng cán bộ chuyên môn làm công tác quản lý đất đai, thẩm định dự án.

- Tích cực phổ biến tuyên truyền người dân không mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu vực chưa đảm bảo các cơ sở hạ tầng thiết yếu, chưa khớp nối hạ tầng chung theo quy hoạch, chưa đầy đủ giấy tờ pháp lý liên quan theo quy định pháp luật đất đai.

- Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở ban ngành lưu ý rà soát, đánh giá cụ thể đối với dự án có tác động lớn về môi trường, tác động xã hội; đối với dự án sử dụng diện tích lớn cần chỉ đạo khảo sát, rà soát thực địa từng dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung.

b. Giải pháp về giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Rà soát, kiểm tra chặt chẽ danh mục công trình đăng ký kế hoạch sử dụng đất hằng năm (có đối chiếu, so sánh với kết quả thực hiện năm trước); nâng cao chất lượng thẩm định năng lực thị trường, năng lực tài chính, vốn chủ sở hữu của các chủ đầu tư, nhất là những đơn vị đầu tư nhiều dự án trên địa bàn nhằm đảm bảo tính khả thi, tiến độ thực hiện, khắc phục tình trạng dự án treo.

- Rà soát, kiểm tra tình hình triển khai các dự án trên địa bàn, tổng hợp số diện tích đã đưa vào sử dụng, số diện tích sử dụng sai mục đích, số diện tích để hoang hóa lãng phí (kể cả đất hạ tầng công cộng, xây dựng trụ sở cơ quan) để có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Tăng cường rà soát, kiểm tra lại việc thực hiện các quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đặc biệt, đôn đốc các phòng ban

chuyên môn, UBND xã, phường khẩn trương triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, rừng sản xuất, đặc biệt cương quyết không thực hiện thủ tục chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với các khu vực không phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hoặc tại các khu vực không có kết nối cơ sở hạ tầng, khu vực có nguy cơ sạt lở…

4. Các giải pháp khác

Để kế hoạch có tính khả thi cao, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

a. Các giải pháp về quản lý hành chính

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới, kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường như: chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao đất, thẩm định phương án của các dự án sử dụng đất…

- Rà soát, báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa về các dự án đã kéo dài quá 03 năm không thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng… đề xuất loại khỏi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm hoặc có chủ trương gia hạn để tiếp tục thực hiện công trình dự án để phát triển kinh tế xã hội.

- Kiến nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xử lý nghiêm các trường hợp nhà đầu tư có hành vi sai phạm trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình dự án, mua bán chuyển nhượng khi chưa được cấp phép.

b. Các giải pháp về kinh tế

- Đề xuất UBND tỉnh Khánh Hòa các chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ vào các mục tiêu của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tiến hành đầu tư xây dựng các phương án triển khai công trình dự án bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

c. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Kiến nghị UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai như hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin thuộc tính về đất đai như loại đất, đối tượng sử dụng đất, giá đất theo quy định,...

- Kiến nghị UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở ban ngành nghiên cứu phân bổ ngân sách để đầu tư trang thiết bị để thực hiện quản lý, cập nhật thông tin thửa đất theo các loại hình quy hoạch đã được duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kế hoạch trong thời gian tới.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Uỷ ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 28/07/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND; UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- TT Thành ủy; UBND thành phố;
- UBMT TQ VN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- UBND xã, phường;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Sinh